

## **Việc làm lao động nông thôn Việt Nam trong thời kỳ hội nhập**

**NGUYỄN HOÀI NAM  
MAI NGỌC CƯỜNG**

*Bài viết đã nêu lên bức tranh tổng quát về thực trạng lao động, việc làm nông thôn ở nước ta trong thời kỳ đô thị hóa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thách thức lớn đối với lao động hiện nay như thiếu việc làm, chất lượng yếu, di cư, chính sách... được phân tích kỹ; đồng thời bài viết cũng nêu một số bài học có tính tham khảo từ kinh nghiệm của Trung Quốc và đề xuất các giải pháp tạo ra việc làm đối với lao động nông thôn ở nước ta.*

### **1. Thực trạng lao động, việc làm nông thôn Việt Nam hiện nay**

Năm 1996 dân số nông thôn Việt Nam có 53,1 triệu người, chiếm 80,5% dân số cả nước, năm 2010 con số này là 60,96 triệu người chiếm 69,4%. Như vậy, sau 15 năm tỷ lệ dân số nông thôn giảm được 11,1 điểm phần trăm, tính bình quân, mỗi năm giảm chưa được 0,75 điểm phần trăm, chứng tỏ tốc độ đô thị hóa của Việt Nam còn chậm. Bên cạnh đó lao động nông thôn chiếm gần 3/4 lao động cả nước, nhưng lại tập trung chủ yếu trong ngành nông nghiệp, nơi tạo ra năng suất lao động thấp nhất và cũng là nơi quỹ đất canh tác đang ngày càng bị thu hẹp và giảm dần do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Kết quả, nhiều lao động mất đất, hoặc thiếu đất dẫn đến dư thừa lao động và thiếu việc làm. Thu nhập của lao động nông nghiệp thấp, thất thường, bởi tính thời vụ và rủi ro cao. Đây chính là lý do khiến tỷ lệ nghèo tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn.

Năm 2010, lao động nông nghiệp cả nước chiếm 52,63% tổng số lao động, nhưng giá trị GDP được tạo ra từ ngành này lại thấp nhất (chiếm 19,02%). Ngược lại, tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp là 29,31% và trong ngành dịch vụ là 28,06%, nhưng tạo được giá trị GDP ở mỗi ngành trên 40%. Các con số trên đây cho thấy năng suất lao động

trong ngành nông nghiệp là rất thấp. Năm 2010 cả nước có 25,91 triệu lao động làm việc trong ngành nông nghiệp, nhưng riêng khu vực nông thôn đã có 24,06 triệu người, chiếm 92,86%. Nếu so với tổng lao động có việc làm của cả nước thì lao động nông nghiệp nông thôn vẫn chiếm khoảng 51,34%. Nhìn từ góc độ chuyển dịch cơ cấu lao động ta thấy, giai đoạn 1996- 2010 tỷ lệ lao động nông nghiệp nông thôn đã có chuyển biến, giảm từ 82,3% trong tổng lao động nông thôn năm 1996 xuống còn 67,08% năm 2010, bình quân mỗi năm giảm được gần 1 điểm phần trăm, mức giảm tuy nhỏ so với một số nước trong khu vực nhưng đó là sự nỗ lực của cả nền kinh tế.

Về số lượng, lao động nông nghiệp - nông thôn không có biến động lớn mà chỉ dao động ở mức trên 23 triệu người trong suốt 15 năm qua. Quả thực, đây là thách thức lớn cho lao động nông nghiệp, bởi vì đó là ngành kinh tế truyền thống và chủ đạo ở Việt Nam trong suốt thời gian dài (hàng chục năm trước đây), nên xuất phát điểm lao động nông nghiệp đã là một số quá lớn, trong khi các ngành phi nông nghiệp mới phát triển và thực sự phát triển trong vài thập niên trở lại đây, do vậy mà lượng lao động lao động thu hút vào các

Nguyễn Hoài Nam, ThS., Trường đại học Vinh;  
Mai Ngọc Cường, GS.TS., Trường đại học Kinh tế quốc dân

## Việc làm lao động nông thôn Việt Nam...

ngành này chỉ ở mức nhất định. Ở nông thôn, các ngành phi nông nghiệp phát triển chậm hơn nhiều so với khu vực thành thị, nên lượng lao động thu hút vào các ngành này

còn thấp hoặc tương đương, vừa đủ với lượng lao động nông thôn mới gia nhập vào thị trường lao động hàng năm (khoảng 1 triệu người/năm).

**BẢNG 1: Số lượng và cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam**

	1996	2000	2005	2010
<i>Cả nước</i>				
Số lượng (1000 người)	35.385,9	38.367,6	43.452,4	46.789,3
Cơ cấu	100	100	100	100
Nông-lâm-ngư nghiệp	70	65,3	56,7	52,63
Công nghiệp-xây dựng	10,6	12,4	17,9	29,31
Dịch vụ	19,4	22,3	25,4	28,06
<i>Nông thôn</i>				
Số lượng (1000 người)	28.553,4	30.055,5	32.930,7	34.905,9
Cơ cấu (%)	100,0	100,0	100,0	100,0
Nông-lâm-ngư nghiệp	82,3	79,0	71,2	67,08
Công nghiệp-xây dựng	6,8	8,3	14,0	15,72
Dịch vụ	10,9	12,7	14,8	17,20

Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2011

Trình độ văn hóa và chuyên môn kỹ thuật của lao động nông thôn luôn thấp hơn so với mức chung của cả nước. Có đến trên 74,4% lao động nông thôn chưa qua trường lớp đào tạo chuyên môn kỹ thuật nào, khoảng 18,9% lao động nông thôn chưa tốt nghiệp tiểu học trở xuống đang làm việc, tỷ lệ tốt nghiệp từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên chiếm gần 10%... Vì thế khả năng chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm hoặc tự tạo việc làm tốt hơn đối với nhóm lao động này là rất khó. Thêm vào đó là lẽ lối làm ăn trong ngành nông nghiệp truyền thống và tình trạng ruộng đất manh mún, nhỏ lẻ như

hiện nay đã hạn chế tính chủ động, sáng tạo của người nông dân trong sản xuất, kinh doanh, cũng như khả năng tiếp cận thị trường của người lao động.

Bên cạnh đó, các kênh thông tin việc làm và giao dịch ở nông thôn chưa phát triển, người lao động tìm việc chủ yếu thông qua người trong gia đình, họ hàng hay bạn bè thân quen, các kênh giao dịch trên thị trường, cũng như vai trò của các tổ chức giới thiệu việc làm dường như mờ nhạt ở khu vực nông thôn, không tạo được sự quan tâm của số đông người lao động.

**BẢNG 2. Trình độ chuyên môn lao động nông thôn Việt Nam năm 2010**

Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%)	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%)
I. Chưa qua đào tạo	74,40	4. Trung học chuyên nghiệp	6,83
II. Đào tạo qua các cấp độ	25,60	5. Cao đẳng	1,50
1. Nghề < 6 tháng	7,96	6. Đại học	2,40
2. Nghề 6-12 tháng	3,00	7. Sau đại học (Thạc sỹ)	0,10
3. Nghề dài hạn	3,81		

Nguồn: Bộ Lao động, thương binh và xã hội, năm 2011.

Như trên đã trình bày, cung lao động nông thôn dồi dào, nhưng chất lượng chưa cao cả về văn hóa, chuyên môn kỹ thuật, cũng như hiểu biết về pháp luật và kỹ năng sống. Về cầu lao động, kinh tế trang trại cũng như doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn phát triển còn khiêm tốn, mới chỉ tập trung ở các làng nghề và cũng chỉ giới hạn ở một số địa phương nhất định, mà chưa lan tỏa rộng đến nhiều vùng lân cận. Đặc biệt, các vùng sâu, vùng xa bóng dáng của thị trường hàng hóa nông sản còn lu mờ, nên các ngành phi nông nghiệp chưa phát triển được. Năm 2010 tỷ lệ lao động công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn chiếm 32,92%, cho thấy các ngành này phát triển còn khiêm tốn, chưa khai thác được nguồn cung lao động tiềm năng này.

Về thị trường vốn, mạng lưới các ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chính sách xã hội, quỹ tín dụng nhân dân những năm gần đây đã phát triển và giải quyết phần nào nhu cầu thiếu vốn của người sản xuất, cũng như các hộ nông dân. Tuy nhiên số cơ sở cung cấp tín dụng vẫn chưa phát triển hết đến các xã, phổ biến mới đến được cấp huyện và một số xã nhất định. Nhu cầu các món vay nhỏ của nhiều hộ chưa được đáp ứng, ở phạm vi này phục vụ chủ yếu là các tổ chức tài chính vi mô của các đoàn thể xã hội, hay tổ chức nước ngoài. Số tổ chức này cũng chỉ phát triển ở một số địa phương nhất định.

## **2. Những thách thức đối với lao động nông thôn**

### **2.1. Thiếu việc làm**

Khu vực nông thôn có tỷ lệ lao động thất nghiệp tương đối thấp do đặc thù của lao động nông nghiệp. Tuy vậy, thiếu việc làm vẫn là vấn đề đáng lo ngại đối với khu vực này. Tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn cao là một trong những thách thức lớn trong việc giải quyết bài toán lao động-việc làm của khu vực nông thôn. Những thách thức

này gia tăng khi thực tế hiện nay, phần lớn lao động nông thôn mặc dù có đủ việc làm, thậm chí làm việc nhiều giờ ở khu vực nông thôn, nhưng vẫn rất khó khăn trong việc cải thiện thu nhập. Trong khi đó, các điều kiện để cải thiện năng suất lao động cho khu vực này chưa, hoặc đang diễn ra chậm chạp do chất lượng lao động nông thôn còn thấp.

### **2.2. Chất lượng lao động hạn chế**

Chất lượng lao động hạn chế đã trở thành lực cản đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động, đặc biệt là khả năng rút lao động nông thôn ra khỏi ngành nông nghiệp. Bên cạnh đó, chất lượng lao động thấp ảnh hưởng trực tiếp tới năng suất lao động xã hội, đồng thời tạo ra những rào cản đối với việc thu hút đầu tư của khu vực nông nghiệp, nông thôn, cũng như giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động.

### **2.3. Vấn đề di cư, thu hút đầu tư cho khu vực nông nghiệp, nông thôn**

Giải quyết vấn đề việc làm cho lao động nông thôn hiện nay gặp nhiều trở ngại do gia tăng nguồn cung lao động vẫn ở mức cao. Tình trạng thu hẹp diện tích đất nông nghiệp, trong khi khả năng thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, vào lĩnh vực nông nghiệp-nông thôn còn nhiều hạn chế, khiến cho bài toán tạo việc làm gặp nhiều khó khăn. Thực trạng đầu tư cho khu vực nông nghiệp, nông thôn còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động, kể cả ngay tại các địa bàn bị thu hồi đất nông nghiệp. Giải quyết vấn đề lao động, việc làm ở khu vực nông thôn cũng không thể tách khỏi những tác động của quá trình di cư. Vấn đề quản lý theo hộ khẩu khiến cho người lao động di cư gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục,...

### **2.4. Chính sách đối với lao động nông thôn**

Ước tính Việt Nam đang có khoảng 20

chính sách khác nhau liên quan tới vấn đề lao động, việc làm ở khu vực nông thôn. Trong số đó, có các chính sách lớn và sẽ được thực hiện trong một thời gian dài. Tuy có một hệ thống chính sách được coi là tương đối hoàn chỉnh để phát triển một thị trường lao động năng động, hiệu quả, nhưng trên thực tế như nhiều hệ thống chính sách xã hội khác ở Việt Nam, các chính sách về lao động việc làm vẫn còn tồn tại những bất cập, hạn chế, đôi khi cản trở trực tiếp tới việc phát triển thị trường lao động.

Lao động nông nghiệp và lao động tại các khu vực phi chính thức vẫn chưa nhận được những hỗ trợ từ phía Bộ luật Lao động, trong khi đó phần lớn lao động của Việt Nam vẫn là nông dân.

Thiếu kỹ năng lao động là một trong những hạn chế lớn nhất của lực lượng lao động. Hạn chế này không chỉ giảm khả năng chuyển dịch lao động, mà còn ảnh hưởng tới việc tăng năng suất lao động. Do đó, có rất nhiều chính sách liên quan tới dạy nghề đã được ban hành, đặc biệt là Luật Dạy nghề. Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung của Luật cho đến nay chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện.

Hệ thống chính sách dạy nghề và tạo việc làm tuy đa dạng, nhưng lại đang bộc lộ những sự chồng chéo nhất định từ khâu thiết kế, thực hiện, quản lý... thậm chí là đối tượng thụ hưởng. Trong khi đó, Việt Nam vẫn đang thiếu các chuẩn nghề để quản lý và nâng cao chất lượng đầu ra.

Đề án đào tạo mỗi năm 1 triệu lao động nông thôn đến năm 2020 được kỳ vọng sẽ tạo ra những thay đổi cả về chất và lượng đối với lao động nông thôn nói riêng và lực lượng lao động Việt Nam nói chung. Tuy nhiên Việt Nam sẽ phải có rất nhiều tác động chính sách khác về đất đai, tín dụng, giáo dục... mới có thể thực hiện được mục tiêu này.

### **3. Kinh nghiệm của Trung Quốc**

- Không ngừng nâng cao nhận thức về vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân, đặc biệt là vấn đề nông dân, đặt vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quy hoạch tổng thể quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội. Không ngừng tổng kết và hoàn chỉnh hệ thống các quan điểm chỉ đạo giải quyết vấn đề "tam nông". Thường xuyên rà soát các chính sách, quán triệt thực hiện nghiêm túc các biện pháp, quyết không buông lỏng giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân để tạo việc làm cho lao động nông thôn Trung Quốc.

Từ khi cải cách mở cửa đến nay, Trung Quốc đã đưa ra 11 Văn kiện số 1 về nông nghiệp, nông thôn, nông dân; đồng thời, cũng ban hành nhiều văn bản pháp quy về nông nghiệp, nông thôn. Hiện nay, Trung Quốc đã hình thành về cơ bản hệ thống các quan điểm chỉ đạo giải quyết vấn đề "tam nông". Cải cách nông thôn được tiến hành theo hướng xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa giai đoạn mới, phát triển phối hợp giữa công nghiệp với nông nghiệp, thành thị và nông thôn, đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn liền với những tiến bộ xã hội nông thôn.

- Phối hợp các nguồn lực giải phóng và phát triển sức sản xuất nông thôn, thực hiện chế độ khoán, phát triển xí nghiệp hương trấn, thúc đẩy ngành nghề hóa nông nghiệp để giải phóng và phát triển sức sản xuất xã hội để tạo việc làm cho lao động nông thôn Trung Quốc. Phát huy ưu thế của mỗi địa phương, kết hợp nguồn lực vùng miền, gắn phát triển kinh tế - xã hội nông thôn với tiến trình xây dựng hiện đại hóa đất nước.

Phối hợp công nghiệp - nông nghiệp, thành thị - nông thôn, giải quyết vấn đề cơ cấu nhị nguyên thành thị - nông thôn, quan hệ không hài hòa giữa công nghiệp - nông nghiệp. Trung Quốc đang nỗ lực để hạn chế và xóa bỏ dần sự phân cách giữa thành thị

và nông thôn, xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa công nghiệp và nông nghiệp, chú trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ xã hội. Chế định các chính sách phát triển hài hòa, phối hợp giữa thành thị và nông thôn, công nghiệp và nông nghiệp; xóa bỏ các chính sách kỳ thị nông dân, nông thôn.

Cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, Trung Quốc tập trung giải quyết các vấn đề xã hội cơ bản như xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm; đẩy mạnh giáo dục nông thôn, thực hiện giáo dục nghĩa vụ 9 năm, coi đẩy mạnh giáo dục là khâu quan trọng trong nâng cao tố chất cư dân, chuyển dịch lao động; đẩy mạnh ứng dụng các thành quả khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, cải tạo giống cây trồng và vật nuôi, phổ biến tri thức kỹ thuật và thông tin thị trường cho nông dân. Đặc biệt là tìm mọi cách tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn Trung Quốc, giải quyết lao động dôi dư ở nông thôn. Việc giải quyết các vấn đề xã hội cũng góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

- Giải quyết kịp thời những khúc mắc của nông dân, xây dựng người nông dân kiểu mới. Phát huy vai trò tích cực của chính quyền các cấp địa phương trong đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Quy phạm và phát huy vai trò của các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội. Đồng thời, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp trong xây dựng thôn làng giàu mạnh và văn minh. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tiếp thu các thành quả của văn minh nhân loại. Nắm vững và ứng phó kịp thời với những biến động thị trường nông sản quốc tế.

#### **4. Giải pháp tạo việc làm cho lao động nông thôn Việt Nam thời gian tới**

Thời gian vừa qua, việc làm nông thôn phụ thuộc chủ yếu vào đất đai canh tác. Thiếu đất canh tác, ở mức độ nào đó, đồng nghĩa với việc thiếu việc làm của lao động nông thôn và đặc

biệt là lao động phi nông nghiệp. Tình trạng thiếu việc làm hay còn gọi là thất nghiệp bộ phận, bán thất nghiệp là đặc trưng phổ biến của lao động nông thôn. Khu vực nông thôn chiếm khoảng 70% lực lượng lao động của cả nước, trong đó thường xuyên có gần 30% lao động thiếu việc làm, phổ biến là thiếu mang tính thời vụ.

Những năm gần đây, tình trạng nông nhàn trở thành vấn đề xã hội nổi cộm, vì đó là một trong những nguyên nhân đầu tiên dẫn đến di chuyển lao động nông thôn mang tính thời vụ đến thành thị để tìm kiếm thêm việc làm và tăng thu nhập. Đặc biệt, trong điều kiện gia tăng tình trạng thiếu việc làm trong toàn nền kinh tế, thì vấn đề lao động nông nhàn ở nông thôn ngày càng trở nên bức bách. Đó là nguồn bổ sung đáng lo ngại vào lực lượng lao động thiếu việc làm nói chung và làm tăng thêm dòng người di dân, di chuyển lao động từ vùng này đến vùng khác, từ nông thôn ra thành thị, dẫn tới nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm có chiều hướng gia tăng. Chính vì vậy, cần có một số giải pháp chủ yếu nhằm giải quyết việc làm ở nông thôn trong những năm tới.

#### *(1) Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn:*

Xác định chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa lớn. Phát triển mạnh lâm nghiệp và thủy sản nhằm thay đổi cơ cấu giữa nông - lâm - thủy sản. Trong nội bộ ngành nông nghiệp cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, thay đổi cơ cấu cây trồng, giảm tỷ trọng cây lương thực, tăng tỷ trọng cây màu, cây công nghiệp. Cùng cố thị trường đã có, mở rộng thị trường mới để tiêu thụ nông sản phẩm và dịch vụ phi nông nghiệp ở nông thôn. Cần hoàn chỉnh quy hoạch sản xuất nông - lâm thủy sản và ngành nghề dịch vụ ở nông thôn theo hướng hàng hóa gắn với thị trường.

*(2) Có chính sách thích hợp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ nông dân:*

Sản xuất hàng hóa theo đặc thù sản xuất của từng vùng, đó là các chính sách về đất đai, thuế, tín dụng, khoa học - công nghệ và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Kiên trì thực hiện chủ trương khuyến khích "ai giỏi làm nghề gì làm nghề đó", trên cơ sở đó đa dạng hoạt động kinh tế từng hộ theo tiềm năng nội tại, khuyến khích kinh tế hộ sử dụng lao động làm thuê tại chỗ, hoặc lao động từ nơi khác đến tìm việc làm, thông qua chế độ ưu đãi về cho thuê mặt bằng, tín dụng ban đầu; từng bước phát triển kinh tế hộ nông, lâm, ngư trại thành các doanh nghiệp nhỏ trong nông thôn, có tư cách pháp nhân, bình đẳng với các loại hình tổ chức kinh tế khác.

*(3) Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn:*

Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn là một giải pháp lâu dài và hữu hiệu để thực hiện chủ trương tạo việc làm cho lao động nông thôn. Hiện nay, số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ (doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã) có đăng ký hoạt động chưa nhiều, mới đạt 3%, còn 97% vẫn thuộc loại hình kinh tế hộ không có đăng ký, điều này dẫn đến sự phát triển của kinh tế hộ chưa được pháp lý bảo hộ, nên chưa đủ điều kiện phát huy hết tiềm năng phát triển kinh tế, tạo việc làm ở nông thôn. Để nhanh chóng phát triển mở rộng thêm số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn cần phải: tạo điều kiện thuận lợi tối đa về mặt thủ tục để cơ sở sản xuất đăng ký thành lập doanh nghiệp được dễ dàng. Cần có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh chế biến nông sản về mặt cơ sở sản xuất tại các địa bàn có nguồn nguyên liệu dồi dào. Các cơ sở này một mặt sẽ thu hút một lượng lớn nguồn nhân lực tại chỗ tham gia vào quá trình sản xuất nguyên liệu cho cơ sở chế biến, mặt khác nó cũng tạo ra

nhiều cơ hội việc làm cho người dân địa phương tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất chế biến của các cơ sở này; đối với các doanh nghiệp sản xuất phi nông nghiệp đã có đăng ký và đang hoạt động, khuyến khích các doanh nghiệp này đặt cơ sở trên địa bàn các huyện, xã chủ yếu làm nông nghiệp, dân số đông. Các doanh nghiệp này sẽ là cơ sở để giải quyết lao động nông nhân và khởi đầu cho việc phát triển hoạt động phi nông nghiệp trong nông thôn.

*(4) Khôi phục và phát triển ngành nghề truyền thống và nghề mới ở nông thôn:*

Ngành nghề truyền thống đã có từ lâu đời và đã có thể gọi là một thế mạnh của nước ta như nghề kim hoàn, thêu ren, dệt tơ lụa, chạm khắc gỗ, khảm trai, chế biến nông sản phẩm... Ngành nghề truyền thống hiện đang giải quyết việc làm cho một lượng lớn lao động. Tuy nhiên, từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, các cơ sở sản xuất và các làng nghề cũng gặp không ít khó khăn, nhất là về tiêu thụ sản phẩm, công nghệ lạc hậu, ít vốn; vì thế Nhà nước cần có một số chính sách hỗ trợ để khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, mở mang các nghề mới trên cơ sở: tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất, ở các làng nghề truyền thống như cho vay vốn ưu đãi, miễn giảm thuế, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, hình thành các khu làng nghề sản xuất tập trung. Tổ chức lại các cơ sở làm nghề truyền thống trên cơ sở lấy hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, đồng thời phát triển mạnh mẽ hình thức hiệp hội, liên kết giữa các gia đình, tiến tới thành lập những doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ban hành một số chính sách khuyến khích về vốn, tín dụng, thuế và giải quyết mặt bằng cho sản xuất đối với các làng nghề, nghề truyền thống ở giai đoạn khôi phục và phát triển mới. Có chính sách ưu đãi đối với các nghệ nhân, thợ giỏi, hỗ trợ công tác đào tạo, truyền nghề để những

ngành nghề truyền thống không bị mai một. Bảo vệ quyền phát minh sáng chế của các nghệ nhân và xây dựng chế độ bảo hiểm khi về già để người dân làm việc trong các làng nghề truyền thống yên tâm đầu tư vốn và yên tâm sống với nghề của mình. Tăng cường hình thành các ngành nghề và sản phẩm mới mang tính truyền thống và bản sắc Việt Nam, với các làng, cụm làng chuyên nghề ở các làng nghề hiện tại để thúc đẩy sự lan truyền trong phạm vi xã, huyện và vùng.

*(5) Nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực ở nông thôn:*

Cần thực hiện cơ chế nhà nước và nhân dân cùng làm để tăng cường đầu tư cho giáo dục nâng cao trình độ văn hóa cho các vùng nông thôn, đặc biệt là vùng Tây Nguyên, Tây Bắc và Đồng bằng sông Cửu Long sớm phổ cập giáo dục cơ sở.

Điều chỉnh mạng lưới cơ sở đào tạo cho phù hợp với yêu cầu quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của từng vùng nông thôn. Xây dựng một số cơ sở sản xuất nông nghiệp có trình độ kỹ thuật công nghệ cao trong các vùng nông nghiệp trọng điểm nhằm kết hợp khuyến nông, đẩy mạnh hoạt động phổ biến

chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân. Trong việc đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân cần chú ý cả phương tiện kỹ thuật và kỹ năng quản lý, không chỉ chú trọng các loại hình chính quy trên cơ sở phát triển hệ cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, mà đặc biệt quan tâm tới mô hình đào tạo cộng đồng. Tăng cường đào tạo ngành nghề phi nông nghiệp cho nông dân.

Có chính sách khuyến khích và sử dụng sinh viên, học sinh tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung cấp về phục vụ ở nông thôn./

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Cường. *Cơ cấu nhị nguyên thành thị nông thôn ở Trung Quốc*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 5-2006.
2. Nguyễn Hoài Nam, *Những vấn đề xã hội bức xúc ở nông thôn các huyện miền tây Nghệ An*. Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 167, tháng 5-2011.
3. Báo cáo kết quả điều tra lao động - việc làm của Bộ Lao động, thương binh và xã hội, Hà Nội, 2010.
4. Số liệu thống kê Lao động - việc làm 1996-2000 và 2010 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội, Nxb Thống kê. 2011 và Nxb Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.
5. Thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu ngành của Bộ Kế hoạch và đầu tư, trang web của Bộ Kế hoạch và đầu tư <http://www.mpi-oda.gov.vn/>